

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 06-3-2025.

“V/v Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Hoàn;

2. Ông Hoàng Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lò Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ thôn Q, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

2. *Bị đơn:* Bà Lương Thị T1, sinh năm 1963.

Địa chỉ thôn Q, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Lò Văn T trình bày như sau:

+ Quan hệ hôn nhân: Ông Lò Văn T và bà Lương Thị T1 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1983; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Q, xã P, thị xã N; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, đến năm 2020 và 2021 các con làm nhà ra ở riêng thì ông T ở cùng con thứ hai bà T1 ở cùng con thứ nhất; nhà của hai con ở cạnh nhau, nên ông T và bà T1 vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông T xác định tình

cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và hai người sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa, nên ông đề nghị được ly hôn với bà Lương Thị T1.

+ Con chung: Đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Tài sản chung: Đã chia hết cho các con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Lương Thị T1 trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn, quá trình chung sống giữa bà T1 và ông T đúng như ông T trình bày; hai người có đăng ký kết hôn, nhưng hiện giấy đăng ký đã bị mất; bà T1 và ông T sống hạnh phúc đến năm 2020 và 2021 thì các con làm nhà ra ở riêng, nên mỗi người ở theo một con. Sau đó ông T ngoại tình, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; bà T1 xác định do ông T ngoại tình, không còn quan tâm đến vợ con, nên bà T1 cũng không còn tình cảm với ông T, tuy nhiên ông T xin ly hôn, bà T1 không đồng ý vì lý do thương các con, các cháu.

+ Con chung: Đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Tài sản chung: Đã chia hết cho các con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản hòa giải; do không nhất trí ly hôn, nên bà T1 không ký vào các biên bản nêu trên.

- Biên bản xác minh ngày 14/02/2025 tại thôn Q, xã P: Ông Lò Văn T và bà Lương Thị T2 kết hôn với nhau từ khoảng giữa năm 1983; từ khi kết hôn đến nay ông T và bà T1 vẫn cư trú tại thôn Q, xã P. Quá trình chung sống khoảng 06 năm trở lại đây thì ông T và bà T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; đến khoảng năm 2021 khi hai con trai của ông T, bà T1 làm nhà ra ở riêng thì mỗi người ở theo 1 con, tuy nhiên hai người vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì nhà hai con sát nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ phát biểu quan điểm:

Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tổ tụng; Bị đơn bà Lương Thị T1 quá trình giải quyết vụ án không ký vào biên bản hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000:

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho ông Lò Văn T được ly hôn bà Lương Thị T1.

+ Về con chung: Đều đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Lò Văn T được miễn án phí DSST do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tổ tụng: Ông Lò Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: : Ông Lò Văn T và bà Lương Thị T1 cùng xác định hai người có đăng ký kết hôn từ năm 1983; đây là vấn đề các đương sự cùng thống nhất, nên không cần phải chứng minh. Do đã lâu nên không xác định được có đăng ký kết hôn tại Ủy ban hay không. Tuy nhiên, quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà T1 được xác lập trước ngày 03/01/1987, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Như vậy, hôn nhân của ông T và bà T1 là hợp pháp.

Trong cuộc sống chung vợ chồng ông T và bà T1 đều xác định giữa hai người phát sinh mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, ông T xin ly hôn, bà T1 không nhất trí vì thương các con, các cháu. Như vậy, giữa ông T và bà T1 đời sống chung vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông Lò Văn T được ly hôn với bà Lương Thị T3.

[3] Con chung đã trưởng thành, tài sản chung đã chia hết cho các con: Ông Lò Văn T và bà Lương Thị T1 không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Ông Lò Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho ông Lò Văn T.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 262, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lò Văn T được ly hôn bà Lường Thị T1.
2. Án phí: Miễn án phí cho ông Lò Văn T.
3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Phù Nham;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân